Phụ lục số 01

TỔNG HỢP GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2025
CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 966 /QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lạng Sơn	Công ty cổ phần Chợ	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty cổ phần quản lý và xây dựng giao thông
1	Sản lượng tiêu thụ		23.577,4 ha	5.500.000 vé		10.004.112 m3 nước sạch sinh hoạt	731 km
2	**Tổng doanh thu**	**Tr.đồng**	**83.000**	**41.850**	**19.668**	**152.000**	**42.000**
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	81.292	41.240	14.600	135.000	41.572
4	Lợi nhuận	Tr.đồng					
	- Lợi nhuận trước thuế		*1.708*	*610*	*5.068*	*17.000*	*428*
	- Lợi nhuận sau thuế		*1.366*	*488*	*4.055*	*13.600*	*342*
5	**Tổng số thuế và các khoản nộp NSNN**	**Tr.đồng**	**3.305**	**11.000**	**5.654**	**24.200**	**3.183**
a	Thuế	Tr.đồng	3.305	10.832	2.360	11.500	2.803
	- Thuế GTGT	*Tr.đồng*	*2.520*	*4.692*	*1.207*	*5.700*	*2.600*
	- Thuế Tài nguyên	*Tr.đồng*	*465*			*2.400*	
	- Thuế TTĐB	*Tr.đồng*	*0*	*6.018*	*0*		
	- Thuế TNDN	*Tr.đồng*	*320*	*122*	*1.153*	*3.400*	*203*
	- Thuế TNCN	*Tr.đồng*					
b	Các khoản khác phải nộp	Tr.đồng		168	3.294	12.700	380
6	Vốn điều lệ	Tr.đồng	962.538	25.000	22.885	50.098	12.074
7	Vốn chủ sở hữu	Tr.đồng	1.117.715	24.247	27.125	75.000	12.718
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	*%*	*0,12*	*2,01*	*15*	*18*	*2,69*
	- Tỷ lệ chia cổ tức	*%*	*0*	*0*	*10*	*13*	*2,56*
8	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	1,5	2,05	2,0	2,0	1,4

Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN SẢN PHẨM DỊCH VỤ CÔNG SỬ DỤNG NSNN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 966 /QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Chỉ tiêu	ĐVT	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi		Công ty CP Cấp thoát nước		Công ty CP Quản lý & Xây dựng giao thông	
		Thực hiện năm 2024	KH năm 2025	Thực hiện năm 2024	KH năm 2025	Thực hiện năm 2024	KH năm 2025
1. Khối lượng, sản lượng SP, DV công thực hiện trong năm		23.315,67 ha	23.577,4 ha	961.528 m^3 nạo vét bùn	1.137.389m^3 nạo vét bùn	750 km	731 km
2. Khối lượng, sản lượng SP, DV công bị lỗi không đạt yêu cầu							
3. Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng SP, DV của DN không đạt yêu cầu	Tr.đồng						
4. Chi phí phát sinh liên quan đến các SP, DV công thực hiện trong năm	Tr.đồng	28.005	28.290	14.200	16.000	26.416	25.412
5. Doanh thu thực hiện các SP, DV công trong năm	Tr.đồng	27.178	27.600	14.733	16.528	26.818	25.800